

Đời sống văn học 2004 - mừng hay lo ?

Nhìn lại đời sống văn học nước nhà trong năm 2004 nhiều người trong giới sáng tác, phê bình cho rằng nó mới đáng buồn làm sao. Đường như cả năm không hề có một hiện tượng văn học nào để lại dư âm trong lòng công chúng.

Thơ thì người này, người khác cũng in ra một vài tập chủ yếu là để đem biếu tặng bạn bè. Tính về số lượng thì trong toàn quốc cũng có đến hàng trăm tập thơ được xuất bản năm qua. Còn về chất lượng thì ngay cả đến Hội đồng thơ của Hội Nhà văn cũng không thể bình xét và tổ chức trao giải cho tập nào được, vì chúng đều xoàn xoàn như cá mè một lứa, mới nuôi chưa kịp lớn. Như vậy đủ biết chất lượng của thơ ca năm qua như thế nào.

Còn về văn xuôi thì dường như mất mùa. Tuy nhiên cũng lác đác có được đôi ba chục cuốn được in ra bày trên giá của các cửa hàng sách, nhưng chẳng thấy ai đọc và càng không có người bàn tới. Một anh bạn vong niên hiện là hội viên Hội Nhà văn khi được hỏi về chất lượng truyện ngắn và tiểu thuyết năm 2004, đành thở dài thông thốt mà rằng: Có gì đâu mà bàn đến chất lượng. Ngay đến tôi cũng không nhớ nổi một tập sách nào. Gầm trời này cũng hẹp thôi, thế mà năm nay cũng chẳng tìm đâu ra sách hay để đọc.

Năm 2004 các nhà xuất bản phải đương đầu với một thực tế là nước ta đã gia nhập Công ước Berne về tác quyền, thành ra cái mảng văn chương ngoại vốn rất xôm trò từ trước thì đến nay cũng đành phải im hơi lặng tiếng. Tưởng rằng như vậy thì hàng nội có cơ hội để phát triển. Thế nhưng... lại không? Tìm hiểu kỹ thì thấy nhiều nhà xuất bản đã chuyển hướng chiến lược kinh doanh. Thay vì trước đây các ông chủ xuất bản bung ra chiếm lĩnh thị trường tự do thì nay giám đốc các nhà xuất bản quay lại chiếm lĩnh thị phần ở các chương trình, dự án của nhà nước; thay vì người ta trước đây phải đối mặt, bươn chải với cơ chế thị trường, tìm in những tập sách hay để đáp ứng nhu cầu văn hoá đọc ngày càng cao của công chúng, thì nay người ta lại quay về với cơ chế xin - cho của thời quan liêu bao cấp, bằng việc xuất bản sách phục vụ nhiệm vụ chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm hoặc phát không cho đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo. Nhiều người nói với tôi rằng năm 2004 là năm được mùa nhất của mảng văn chương lề lối, tức là làm theo đơn đặt hàng của nhà nước, chỉ tính đủ đầu sách và số lượng bản in, còn có ai đọc hay không dường như là chuyện nằm ngoài sự quan tâm của nhà xuất bản.

Cùng với xu hướng trên là một số đầu nậu văn chương, nhà xuất bản quay sang chủ yếu là sưu tầm, biên soạn và gọt tía các tác phẩm của những tác giả văn chương đã được khẳng định và có chỗ đứng trên văn đàn nước ta từ lâu ngõ hầu cho ra mắt công chúng các tuyển tập, tổng tập dày cộp với mức giá thượng lên đến trời để bày ra cửa hàng cho oai, chứ rất ít ai có tiền để vác những hòn gạch bằng giấy như vậy về nhà dựng cột chỉ giữ cái sĩ hão rằng mình là người chuyên chơi thú thanh tao. Như vậy không biết đây là tín hiệu đáng mừng hay đáng lo cho đời sống văn học nước nhà (!?)

Hai hội nghị về lý luận văn học ở Tam Đảo và Viện Văn học đã cho thấy khá rõ bức tranh lý luận, phê bình văn học trong năm qua. Trong cả hai diễn đàn đó người ta không ngớt tiếng kêu la rằng công tác lý luận, phê bình hiện nay đang lâm vào tình trạng khủng hoảng. Thế rồi người ta bỏ nhào đi tìm đủ mọi nguyên nhân rằng cơ chế chính sách chưa thoả đáng, rằng các nhà lý luận phê bình chưa cố gắng bám sát đời sống văn học, không chịu đổi mới tri thức và phương pháp tư duy trong công tác phê bình, lý luận, rằng v.v và v.v.

Tiếc thay, cái rất quan trọng và là nguyên nhân chính chi phối một cách đáng kể đối với lý luận, phê bình văn học là tác phẩm văn chương. Từ cổ chí kim, từ đông sang tây tác phẩm văn chương luôn được coi là nền tảng đối với sự phát triển của phê bình, lý luận văn học, thế nhưng năm qua chúng lại rất ẽo ợt, thiếu sinh khí. Dẫu biết rằng ở người này, người khác, nơi nọ, chốn kia, bài thơ này có

những câu, truyện ngắn kia có những đoạn đọc được, thậm chí là đọc tốt, nhưng như vậy làm sao đủ để làm nền cho sự phát triển lý luận, phê bình. Người ta thường quan niệm rằng các nhà sáng tác là người tạo nên chất bột ban đầu, còn các nhà lý luận, phê bình chỉ là người gột nên hồ. Các cụ ta thường nói: Có bột mới gột nên hồ, quả chẳng có sai. Nhưng năm qua không có bột hoặc có thì là loại bột không đảm bảo chất lượng cần thiết thì làm sao có thể gột nên hồ, dù các nhà lý luận, phê bình có tài giỏi đến mấy. Một cái bộ mặt văn chương yếu ớt, một phong trào sáng tác trầm lắng thì liệu có thể xây nên được một ngôi nhà phê bình, lý luận vững chắc và khang trang hay không?.

Minh chứng là vào những năm đầu của thế kỷ 20 (1930-1945) khi Phong trào Thơ mới phát triển rầm rộ, phản ánh một cách khá đậm nét tâm tư nguyện vọng của một bộ phận thanh niên Việt Nam, tạo ra một phong trào sáng tác đầy hứng khởi, thì tất yếu xuất hiện một phong trào phê bình, lý luận văn học khá sôi nổi mà đỉnh cao là công trình của Hoài Thanh và Hoài Trân.

Đến cuối những năm 40 đầu những năm 50 của thế kỷ trước, khi xuất hiện hiện tượng Thơ không vần của Nguyễn Đình Thi và một số tác phẩm văn học khác, nhiều nhà phê bình lý luận cho rằng loại thơ đó không phải là thơ, vì nó không tiếp nối loại thơ có văn truyền thống mà nhiều thi sĩ tiền bối của nước Nam đã từng làm và thế là những cuộc hội thảo về một loại thơ không phải là thơ đó và các cuộc tranh luận nảy lửa kéo dài trong nhiều năm. Theo đó hàng loạt vấn đề mới của phê bình, lý luận văn học được khởi xướng hoặc được nhìn nhận, đánh giá lại theo một cách nhìn mới về thơ nói riêng và về lý luận, phê bình văn học nói chung.

Đến cuối những năm 80 đầu những năm 90 khi xuất hiện một loạt tác phẩm văn xuôi như: Bến không chồng của Dương Hường, Mảnh đất lắm người nhiều ma của Nguyễn Khắc Trường, Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh và một loạt truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp và một số người khác, thì hoạt động phê bình, lý luận khởi sắc hẳn lên. Ngay cả những nhà phê bình, lý luận không chuyên cũng nhảy bổ vào lĩnh vực không thuộc sở trường của mình viết lầy, viết đẽ. Kê khen, người chê, chỗ đúng, nơi sai, bạn hay, tôi dở,... nhưng tựu chung tất cả đã làm nên một diện mạo mới cho đời sống văn học nói chung và lĩnh vực phê bình, lý luận nói riêng.

Mặt khác, một thói quen rất đáng chê trách của người Việt Nam là thích đàm tiếu, bàn gốp, đánh hôi những chuyện vặt vãnh về văn chương không đâu vào đâu cả. Nhưng khi cần phải phân tích, mổ xẻ, đánh giá một cách nghiêm túc về mặt lý luận thì không mấy ai thích thú, vì dường như cái thứ đó không mấy thích hợp với cách cảm, cách nghĩ của người Việt Nam. Đây là tâm lý đám đông, mang tính cộng đồng rất rõ nét và rất dễ lây lan. Người Việt Nam thích cảm thông, chia sẻ hơn là đi đến cùng của sự đúng, sai. Người ta thường cảm cho nhau hơn là nghĩ về nhau. Cách cảm và lối nghĩ đó dễ tạo nên một sức ì rất lớn, làm phương hại đến tư duy lý luận, khoa học nói chung và sự phát triển của lý luận, phê bình văn học nói riêng, đặc biệt là trong thời đại kinh tế trí thức với các hoạt động giao tiếp thông qua văn hoá mạng, xa lộ thông tin, kỹ thuật số hoá...

Trở lại là nếu một ai đó làm việc này một cách nghiêm túc, đưa ra những nhận định, đánh giá, dù có khách quan, khoa học đến mấy, nhưng hơi khó hiểu hoặc có thể dễ làm cho người khác hiểu nhầm là có nguy cơ phải hứng chịu đòn hội đồng cấp tập từ cả hai phía nhà quản lý và người sáng tác. Tâm lý đó đã từng được lãng xê vào trong công việc phê bình, lý luận không biết từ bao giờ, nhưng có lẽ phải hàng thế kỷ nay và đã tạo nên một lối mòn đáng sợ trong tư duy lý luận, phê bình ở nước ta hiện nay. Như vậy thì đâu chỉ có năm 2004 mà trước đó và sau đây nhiều năm nữa, chúng ta cũng rất ít hy vọng có một nền phê bình, lý luận văn học Việt Nam phát triển theo đúng nghĩa của nó.

Tóm lại, nếu năm 2004 chúng ta được mùa lớn về kinh tế, chính trị, ngoại giao và mạng văn chương phục vụ các ngày lễ lớn của đất nước, các tuyển tập và tổng tập thì cũng đồng thời là năm mất mùa đối với văn chương đích thực và đặc biệt là phê bình, lý luận văn học. Người ta làm sao lại đòi hỏi một sự phát triển tốt đẹp của lý luận, phê bình trong một hoàn cảnh như vậy. Có lẽ nhận định cách đây hơn một thế kỷ của K. Mark về bộ trường ca Ilyad và Odyssey của Homer: Không phải lúc nào sự phát triển của văn học nghệ thuật cũng tỷ lệ thuận với sự phát triển kinh tế - xã hội, mà nhiều khi nó lại hoàn toàn ngược lại, đến nay vẫn còn nguyên giá trị.